

Bản án số: 08/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 31/8/2023

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nay Phen
- Ông Phạm Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Đinh Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn C kết hôn vào năm 2013 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện I, tỉnh G. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên đi chơi, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị xét

thấy không còn tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn C trong quá trình giải quyết vụ án anh C có bản tự khai vào 10 tháng 5 năm 2023, trình bày: Việc kết hôn, chung sống với nhau đúng như chị H đã trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị H. Anh có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Tuyên chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn C.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Đinh Văn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử

vắng mặt bị đơn anh Đinh Văn C.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với Đinh Văn C. Bị đơn anh Đinh Văn C có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện I nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn C tự nguyện kết hôn và được ủy ban nhân dân xã K, huyện I đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/9/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị H, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định trong quá trình chung sống giữa chị H và anh C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến việc sau khi kết hôn về chung sống với nhau được 06 tháng thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không có sự quan tâm nhau và anh C cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H trình bày là không có con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có, nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn C.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000694 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I tỉnh G. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/8/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh G; Cấp cao;
- VKSND huyện I;
- VKSND tỉnh G;
- THADS huyện I;
- UBND xã K, H. I;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Thịnh